

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2024/HC-PT

Ngày: 27/5/2024

V/v: “ Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 19/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 141/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 873/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** ông Hồ N, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: K M, tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đỗ Tuấn K; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Võ Văn T; Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ và ông Trương Như H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ. Vắng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đoàn Thị Lệ A; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị L, sinh năm 1968. Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: K17/18 M, tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L: ông Hồ N, sinh năm 1964. Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: K17/18 M, tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Hồ N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện ông Hồ N, trình bày:**

Thửa đất 1300, tờ bản đồ số 1, diện tích 285m² có nguồn gốc do cha mẹ ông để lại; ông làm nhà từ năm 1989, đến năm 1997 nhà bị sập do bão lụt. Tại thời điểm đó điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn nên ông không có khả năng xây dựng lại nhà; sau đó ông đưa vợ con sang ở nhờ nhà bên cạnh thửa đất 1300; còn ông đi làm công nhân Xí nghiệp X (cũ). Một thời gian sau đó, do điều kiện học hành và chăm sóc các con nên ông đã đưa vợ con ra sinh sống ở nhà tập thể của Xí nghiệp X (cũ). Còn thửa đất của ông đã xây hàng rào bao quanh diện tích đất như hiện trạng như hiện nay. Do chưa có tiền xây lại nhà nên trên đất, gia đình ông có trồng một số loại hoa màu. Từ đó đến nay, gia đình ông thường xuyên về canh tác hoa màu và làm đất lúa. Hiện nay, do sức lao động của ông không còn đảm bảo công việc nên ông đã nghỉ hưu, nhưng với số tiền tích góp được cũng như công việc lật vật ông làm hàng ngày thì so với mức sống tại Đà Nẵng không đáp ứng được nên ông về xây dựng lại căn nhà đã sập trước đó để có nơi sinh sống, an cư lúc tuổi già.

Ngày 30/7/2019, ông có làm đơn xin xác nhận nhà ở, đất ở gửi đến UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam để xin được làm lại nhà ở và các thủ tục giấy tờ liên quan đối với thửa đất trên. Nhưng đến ngày 28/05/2020 không có kết quả trả lời nên ông viết đơn xin xác nhận nhà ở đất ở lần 2 gửi UBND xã Đ (vì thôn M thay đổi Ban dân chính mới). Qua rất nhiều lần mời họp cũng như trễ hẹn trả kết quả thì đến ngày 15/6/2020, UBND xã Đ mới trả lời đơn của ông tại Công văn số 04/CV-UBND ngày 12/06/2020 với nội dung: Hiện trạng không có nhà ở, hộ ông Hồ N không sử dụng đất cho mục đích đất ở. Bên cạnh đó, theo bản đồ Nghị định 64 thì tại thửa đất 1300, tờ bản đồ số 1, diện tích 285m² thể hiện là đất hoang do UBND xã quản lý. Trên cơ sở đó, vào ngày 14/11/2019 và ngày 29/4/2020, Hội đồng xem xét nguồn gốc đất đai của xã đã họp và đều có kết luận: Thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cây lâu năm cho ông Hồ N, không thống nhất lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ ông Hồ N. Ông không đồng ý với nội dung của Công văn này vì nguồn gốc thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 1 là do ông bà cha mẹ ông để lại cho ông làm

nhà trên thửa đất đó; gia đình ông dựng nhà và ở ổn định trên thửa đất từ năm 1989 (đính kèm hình ảnh ngôi nhà của gia đình ông) đến năm 1997 nhà bị sập do thiên tai nhưng chưa có điều kiện xây lại; trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông tham gia đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ hàng năm của địa phương; thửa đất có hàng rào, ranh giới mốc giới rõ ràng, không tranh chấp với các hộ liền kề nên UBND xã Đ xác định là đất hoang là hoàn toàn sai sự thật. Tương tự như thửa đất số 64 và thửa đất số 1036/1 cùng thuộc tờ bản đồ số 01 nhưng gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K995656 do UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/3/1998; nêu tại thời điểm đó, UBND xã Đ làm việc có trách nhiệm hơn thì thửa đất 1300, tờ bản đồ số 01 trên của ông đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với thực trạng là đất ở tại thời điểm năm 1998 chứ không phải đến năm 2019 ông mới đi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, ông không có một mảnh đất nào để xây dựng nhà cửa, hoàn cảnh khó khăn nên ông mới khẩn thiết làm đơn gửi UBND xã Đ được làm nhà để ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình ông nhưng UBND xã Đ đã từ chối với những lý do hết sức vô căn cứ. T1 rào ông xây dựng năm 1995 hiện nay vẫn còn. Do không đồng ý với Công văn số 04 nêu trên nên ông đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã Đ giải quyết thì sau nhiều cuộc họp của UBND xã Đ. Trong đó cuộc họp hội đồng xác định nguồn gốc đất ngày 29/4/2020 và cuộc họp ngày 09/9/2020 UBND xã Đ lập không biên bản và giả chữ ký của nhiều người như ông Lê K1, Nguyễn C, Hồ H1, Huỳnh B, Võ C1, Lê D, hơn nữa là 2 Biên bản họp bị lập giả này lại được UBND xã Đ và UBND huyện Đ lấy làm căn cứ quan trọng để đưa ra kết quả giải quyết kiến nghị, khiếu nại của ông. Sau này thì UBND xã Đ đã ban hành công văn số 10/CV-UBND ngày 11/9/2020 với nội dung thu hồi Công văn số 04/CV-UBND ngày 12/06/2020. Sau khi ban hành Công văn số 10 nêu trên để thu hồi Công văn 04 thì UBND xã Đ không ban hành một văn bản, hoặc quyết định nào mới để thông báo kết quả giải quyết việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như đơn khiếu nại của ông. UBND xã Đ chỉ giao ông T2 biên bản cuộc họp ngày 10/09/2020; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 09/9/2020; còn Công văn số 10/CV-UBND ngày 11/9/2020 thì mãi đến khi ông làm đơn xin sao lục tài liệu, chứng cứ ngày 22/4/2021 thì UBND xã Đ mới cung cấp.

Do vấn đề không được giải quyết thỏa đáng và đúng quy định pháp luật nên ngày 28/9/2020, ông gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ. Ngày 29/9/2020, UBND huyện Đ lại chuyển đơn về xã Đ giải quyết nhưng đến ngày 18/02/2021 UBND xã Đ ban hành quyết định số 24/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ N, trú tại tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần đầu) với nội dung chính là bác bỏ đơn khiếu nại của ông với lý do đất của ông là đất hoang do UBND xã quản lý và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý với quyết định này vì như ông đã giải thích. Do Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND xã Đ không đúng với quy định của pháp luật và không phù hợp thực tế sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông nên ngày 07/03/2021, ông làm

đơn khiếu nại lần 2 gửi UBND huyện Đ. Đến ngày 31/3/2022, UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, hiện trú tại tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần 2). Nội dung của quyết định này cũng tương tự như Quyết định số 24/QĐ-UBND của UBND xã Đ, kết luận rằng đất của ông là đất hoang do UBND xã Đ quản lý và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyết định số 278/QĐ-UBND của UBND huyện Đ ngày 31/3/2022 không phù hợp với nguồn gốc, thực tế sử dụng đất và không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, bởi những lý do độc lập sau đây:

Thứ nhất, Phần V Kết luận của QĐ 278 ngày 31/3/2022 có nêu một trong những căn cứ của UBND huyện Đ xác định ông không thuộc trường hợp Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là “Vị trí đất xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất thuộc thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 01, diện tích 294,5m² (theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đ) loại đất hoang do UBND xã quản lý từ năm 1997 đến nay. Căn cứ này không phù hợp với nguồn gốc sử dụng đất, việc gia đình ông sử dụng nhưng không kê khai qua các thời kỳ là thiếu sót.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, hiện trú tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần hai).

- Hủy Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, trú tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ N và bà Võ Thị L đối với thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 01 tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

*** *Tại văn bản trình bày ý kiến số 1972/UBND-TNMT ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam thể hiện:***

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, trú tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần đầu); Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N (lần 2) và Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ N và bà Võ Thị L đối với thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 01 tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, mục đích: Đất ở, theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở vì không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật nên UBND huyện không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N. UBND huyện Đ giữ nguyên Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 31/3/2022.

*** Tại biên bản đối thoại ngày 19 tháng 4 năm 2023, ý kiến trình bày của người đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện:**

UBND xã Đ đã cung cấp đủ tài liệu về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ N vào năm 2021 và giải quyết khiếu nại cho ông Hồ N về việc xin cấp Giấy chứng nhận, quyết định giải quyết khiếu nại của UBND xã Đ đã được UBND huyện Đ giải quyết khiếu nại lần 2. Vào ngày 05/4/2021 UBND xã Đ có xác minh người dân địa phương thì xác định hàng rào hiện nay do ông Hồ K2 (em ông Hồ N) xây dựng năm 2004, ông K2 cũng thừa nhận việc quản lý sử dụng thửa đất và xây dựng hàng rào nhưng không nhớ năm nào. UBND xã Đ thừa nhận ông N có sử dụng thửa đất từ năm 1989 đến năm 1997, nhưng đến năm 1997 ông N đi khỏi địa phương, không sử dụng thửa đất cho đến nay. Thửa đất này theo hồ sơ Nghị định 64/CP là thửa đất 1300, tờ bản đồ số 1 do UBND xã Đ quản lý, ông N không kê khai đăng ký, không sử dụng trực tiếp. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ N về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N và Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ N và bà Võ Thị L đối với thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 01 tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật thì UBND xã Đ không đồng ý vì ông N không phải là người địa phương, không phải là người sử dụng trực tiếp thửa đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 141/2023/HC-ST ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116; Điều 157, 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 100, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013; điều 21 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ N về việc:

- Huỷ Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, hiện trú tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần hai).

- Huỷ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ N, trú tổ B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ N và bà Võ Thị L đối với thửa đất số 1300, tờ bản đồ số 01 tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định

Ngày 21/9/2023, người khởi kiện ông Hồ N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Hồ N; nhận thấy:

[1.1] Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và kê khai:

- Thừa đất 1300, tờ bản đồ số 01, diện tích 294,5 m² tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, ông Hồ N sử dụng làm nhà ở vào năm 1989, đến năm 1997 do thiên tai, nhà cửa bị sụp đổ, ông N không làm nhà lại trên diện tích đất đó mà đã chuyển đến nơi khác để sinh sống.

- Sau đó thửa đất này do ông Hồ Q (Hồ Khoa) là em ruột ông Hồ N sử dụng trồng hoa màu, trồng cỏ từ năm 1997 đến nay; phù hợp với các biên bản xác minh ngày 02/7/2020 của địa chính xã Đ; phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Theo Hồ sơ kê khai thửa đất qua các thời kỳ thì ông N không kê khai đăng ký và cũng không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai và các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai.

Như vậy, ông Hồ N không phải là người trực tiếp sử dụng đất trên ổn định liên tục vào mục đích đất ở.

[1.2]. Theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì căn cứ để xác định người sử dụng đất ổn định là *“Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)”*.

Từ tài liệu, chứng cứ và quy định của pháp luật nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông N kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Hồ N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 141/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000563 ngày 03/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào